

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 23-9-2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thái.

2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thùy T, sinh năm: 1996. Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc L, sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đỗ Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh L xây dựng gia đình năm 2015, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Quế Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 04/3/2015; việc kết hôn là tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L đánh đập chị nhiều lần và ghen

tuông vô cớ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được và trước khi làm đơn ly hôn chị đã dẫn con về nhà mẹ ruột tại xã Q sinh sống. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đỗ H, sinh ngày 07/9/2015. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn - anh Lê Ngọc L trình bày: Anh thống nhất với chị T về điều kiện, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Năm 2018, chị T đi xuất khẩu lao động và sau khi về nước thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh ghen tuông và nghi ngờ chị T ngoại tình nên nhiều lần có đánh đập chị T. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương yêu vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để có điều kiện nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đỗ H, sinh ngày 07/9/2015. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh L không có trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị T được ly hôn với anh L và giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh L tại Thôn X, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị T yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê đã được Tòa án triệu tập họp L lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã Quế Mỹ), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam ngày 04/3/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh L sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã và anh L hay ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nhiều lần; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị T yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2020, UBND xã Quế Mỹ cung cấp: *“Trong quá trình chung sống, chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho chị T và anh L hàn gắn tình cảm vợ chồng, về đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình; anh L không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết ly hôn, anh L vắng mặt không có lý do. Hiện nay, chị T và anh L đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Quế Mỹ ngày 02/6/2020 thì chị T làm nghề buôn bán hải sản, anh L làm nghề tự do nên có đủ điều kiện để nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2020 và tại phiên tòa, chị T trình bày chị buôn bán hải sản thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng nên đủ điều kiện để nuôi con; anh L làm nghề lái xe máy và thường đi làm xa không có điều kiện chăm sóc con.

Trong quá trình xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng anh L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thể hiện sự không quan tâm đến quyền và nghĩa vụ của mình đối với con. Hiện nay, cháu Lê Đỗ H, sinh ngày 07/9/2015; mặc dù đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nam cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thùy T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thùy T và anh Lê Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đỗ H, sinh ngày 07/9/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Thùy T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0001549 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Mỹ, huyện Quế Sơn (Giấy CNKH số 13 ngày 04/3/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế

